

Tấm liên kết
VABX-A-P-EL-E12-IOL-SHUH-XL
Số bộ phận: 8189591

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước	1 2
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Vị trí kết nối	bên cạnh
Chống phân cực	có
Chẩn đoán theo đèn LED	(Đầu ra) Bộ nguồn tải Tình trạng kết nối
Lắp cụm van	Kích thước van có thể trộn lẫn
Số lượng cuộn van tối đa	32
Tương thích với	Cụm van VTUX-A-P
Kích thước B x L x H	45,6 mm x 117,4 mm x 53,9 mm
Cầu chì (Ngắt mạch)	cầu chì điện tử bên trong mỗi kênh
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức điện tử/cảm biến	thường là 10 mA
Công suất tiêu thụ bên trong ở tải điện áp hoạt động danh định	thường là 15 mA
Chỉ dẫn về điện áp vận hành	Nguồn điện SELV/PELV cần thiết Lưu ý sự sụt giảm điện áp
Mức tiêu thụ năng lượng ở 24 VDC	240 mW
Nguồn cung cấp tối đa	2 x 4 A (cầu chì bên ngoài cần thiết)
Điện áp hoạt động định mức DC Điện tử/cảm biến	24 V
Điện áp hoạt động danh định DC của tải	24 V
Kênh đầu ra cách ly điện - giao tiếp nội bộ	có
Cách ly điện giữa điện áp cung cấp cho thiết bị điện tử/cảm biến và tải/van	có
Giao thức	Kết nối IO-Link
mức độ ô nhiễm	2
Điện áp dao động cho phép điện tử / cảm biến	± 25 %
Phụ tải dao động điện áp cho phép	± 10 %
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu hiệu KC	KC-EMV

Đặc tính	Giá trị
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	5 - 95 %
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Chiều cao vận hành định mức	<= 2000 m NHN
Độ cao tối đa	3500 m
Mô men xoắn siết tối đa gắn tường	6 N m
trọng lượng sản phẩm	127.4 g
Bộ điều khiển điện	Liên kết IO
IO-Link, phiên bản giao thức	Thiết bị V 1.1
IO-Link, Communication mode	COM3 (230,4 kBaud)
IO-Link, Port class	B
IO-Link, độ rộng xử lý dữ liệu OUT	4 Byte
IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu	500 µs
Chiều dài dây dẫn tối đa	20 m
các loại giao tiếp	Liên kết IO
Tiết diện cổng nối	0.2 mm²...1.5 mm²
Đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện	Đẩy vào
Kiểu lắp tấm kết nối	với lỗ xuyên
Kiểu gắn	có lỗ xuyên cho vít M5
Cổng nối khí nén 1	cho khối di chuyển 15 mm
Cổng nối khí nén 5	cho khối di chuyển 15 mm
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu tấm kết nối	PA gia cố
Vật liệu phủ	PA gia cố
Vật liệu của phốt	NBR
Vật liệu màng	Polyester
Vật liệu măng xông	thép hợp kim không gỉ
Kẹp tải liệu	thép hợp kim không gỉ
Vật liệu đai ốc	thép hợp kim không gỉ